

Mã đề: 103

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam của nhà xuất bản Giáo dục.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:..... SBD:

Câu 41: Biện pháp cải tạo đất hoang, đồi núi trọc ở nước ta là

- A. làm ruộng bậc thang.
- B. áp dụng các biện pháp nông - lâm kết hợp.
- C. đẩy mạnh thâm canh.
- D. tiến hành tăng vụ.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết trạm thủy văn Cần Thơ nằm ở lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

- A. Sông Cửu Long.
- B. Sông Mã.
- C. Sông Đồng Nai.
- D. Sông Thu Bồn.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 26 và 14 gặp nhau ở địa điểm nào sau đây?

- A. Đắk Mil.
- B. Đà Lạt.
- C. Buôn Ma Thuột.
- D. Gia Nghĩa.

Câu 44: Ngành công nghiệp của nước ta hiện nay

- A. phân bố đồng đều.
- B. còn kém đa dạng.
- C. thay đổi tích cực.
- D. tăng trưởng rất chậm.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây không thuộc Trung du miền núi Bắc Bộ?

- A. Thái Nguyên.
- B. Bắc Ninh.
- C. Việt Trì.
- D. Hạ Long.

Câu 46: Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ MA-LAI-XI-A

(Đơn vị: Triệu USD)

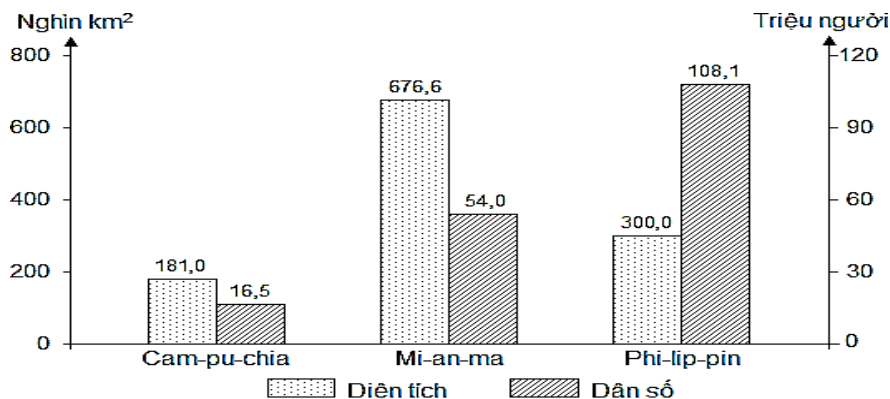
| Năm | 2015 | 2017 | 2019 | 2020 |
|---------------|-----------|-------------|-------------|-------------|
| In-đô-nê-xi-a | 854 953,1 | 1 014 090,4 | 1 121 139,1 | 1 059 146,1 |
| Ma-lai-xi-a | 298 716,0 | 321 384,1 | 364 616,1 | 337 286,9 |

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, <https://www.aseanstats.org>)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với GDP năm 2020 so với năm 2015 của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a?

- A. Ma-lai-xi-a tăng chậm hơn In-đô-nê-xi-a.
- B. Ma-lai-xi-a tăng gấp đôi In-đô-nê-xi-a.
- C. In-đô-nê-xi-a tăng ít hơn Ma-lai-xi-a.
- D. In-đô-nê-xi-a tăng chậm hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 47: Cho biểu đồ: DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh diện tích và dân số của một số quốc gia năm 2019?

- A. Dân số Mi-an-ma lớn hơn Phi-lip-pin. B. Diện tích Mi-an-ma lớn hơn Phi-lip-pin.
C. Dân số Mi-an-ma nhỏ hơn Cam-pu-chia. D. Diện tích Cam-pu-chia lớn hơn Mi-an-ma.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trong các trạm khí tượng sau đây, trạm nào có nhiệt độ tháng 1 thấp nhất?

- A. Thành phố Hồ Chí Minh. B. Thanh Hóa.
C. Huế. D. Lạng Sơn.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng, cho biết địa điểm nào sau đây có nước khoáng?

- A. Đông Triều. B. Tiên Yên. C. Hạ Long. D. Quang Hanh

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nào sau đây thuộc loại lớn?

- A. Biên Hòa. B. Thành phố Hồ Chí Minh.
C. Hà Nội. D. Vũng Tàu.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Hà Tĩnh?

- A. Sầm Sơn. B. Cửa Lò. C. Hồng Lĩnh. D. Đồng Hới.

Câu 52: Điện là sản phẩm của ngành công nghiệp

- A. cơ khí. B. năng lượng. C. hóa chất. D. luyện kim

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?

- A. Hà Tiên. B. Đồng Tháp. C. Mộc Bài. D. An Giang.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cửa khẩu quốc tế nào sau đây thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế?

- A. Lao Bảo. B. Cha Lo. C. Cầu Treo. D. A Đớt.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết hồ nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Hồ Đơn Dương. B. Hồ Sông Hinh. C. Hồ Yaly. D. Hồ Lắk.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết Biển Đông tiếp giáp với bao nhiêu quốc gia?

- A. 7. B. 6. C. 9 D. 8.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết dãy núi nào sau đây thuộc cánh cung Ngân Sơn?

- A. Tây Côn Lĩnh. B. Tam Đảo. C. Pu Tha Ca. D. Phia Uất.

Câu 58: Biện pháp cần thực hiện để phát triển nông nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. xây dựng các công trình thủy lợi. B. phát triển nguồn điện và mạng lưới điện.
C. mở rộng quan hệ đầu tư với nước ngoài. D. hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông vận tải.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết các trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành điện tử?

- A. Thủ Dầu Một, Biên Hòa. B. Vũng Tàu, Phan Thiết.
C. Cà Mau, Cần Thơ. D. Nha Trang, Quy Nhơn.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có du lịch biển?

- A. Cần Thơ. B. Đà Lạt. C. Hà Nội. D. Vũng Tàu.

Câu 61: Ngành chăn nuôi lợn ở nước ta tập trung ở những vùng

- A. ven biển có nghề cá phát triển. B. trọng điểm lương thực, đông dân.
C. có điều kiện khí hậu luôn ổn định. D. chuyên canh cây công nghiệp.

Câu 62: Phương hướng chính để khai thác kinh tế biển ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. tạo thế kinh tế liên hoàn (mặt biển-đảo-quần đảo-đất liền).
- B. đầu tư đội tàu công suất lớn để đánh bắt thủy sản xa bờ.
- C. đầu tư phát triển du lịch biển đảo, đẩy mạnh quảng bá.
- D. xây dựng các cảng biển nước sâu, đầu tư cơ sở hạ tầng.

Câu 63: Mục đích chủ yếu của việc tăng cường áp dụng khoa học - kỹ thuật và giống mới trong sản xuất nông nghiệp nước ta là

- A. phát huy lợi thế về đất đai, khí hậu.
- B. tạo ra nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực.
- C. đẩy mạnh sản xuất theo hướng hàng hóa.
- D. nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội.

Câu 64: Giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất để nâng cao giá trị sản xuất của cây công nghiệp ở Tây Nguyên?

- A. Đẩy mạnh chế biến sản phẩm.
- B. Đa dạng hóa cơ cấu cây trồng.
- C. Mở rộng thêm diện tích trồng trọt.
- D. Quy hoạch các vùng chuyên canh.

Câu 65: Rét hại ít xảy ra ở khu vực nào sau đây?

- A. Tây Bắc Bộ
- B. ven biển Bắc Trung Bộ.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Đông Bắc Bộ.

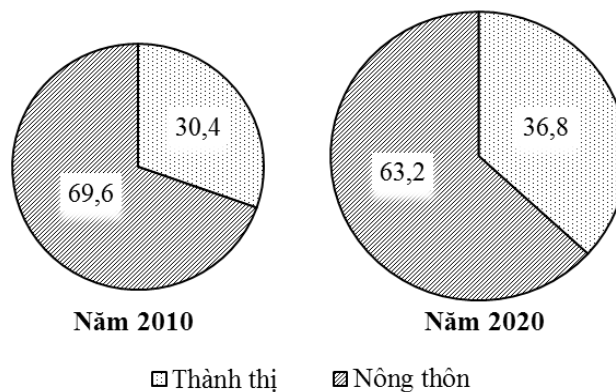
Câu 66: Vị trí của nước ta

- A. nằm ở khu vực chịu hưởng mạnh của các hoạt động địa chất.
- B. nằm ở ven bờ phía đông của biển Đông, giáp với nhiều nước.
- C. nằm hoàn toàn trong vành đai nội chí tuyến của bán cầu Bắc.
- D. nằm ở trung tâm bán đảo Đông Dương, khu vực Đông Nam Á.

Câu 67: Ngành viễn thông nước ta hiện nay

- A. tính phục vụ cao, mạng lưới rộng khắp.
- B. cơ giới hóa, tự động hóa, phân bố hợp lý.
- C. tương đối đa dạng, không ngừng phát triển
- D. thiết bị cũ kỹ lạc hậu, quy trình thủ công.

Câu 68: Cho biểu đồ về dân số phân theo thành thị và nông thôn nước ta năm 2010 và 2020 (Đơn vị: %):



(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô dân số phân theo thành thị và nông thôn nước ta.
- B. Sự chuyển dịch cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn.
- C. Quy mô và cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn.
- D. Tốc độ tăng trưởng dân số phân theo thành thị và nông thôn.

Câu 69: Mục đích chính của việc hình thành các khu kinh tế ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. thu hút đầu tư trong và ngoài nước.
- B. góp phần giải quyết vấn đề việc làm.
- C. cung cấp các sản phẩm cho xuất khẩu.
- D. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Câu 70: Yếu tố nào sau đây là chủ yếu làm cho kim ngạch nhập khẩu của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây?

- A. Nhiều thành phần kinh tế tham gia hoạt động ngoại thương.
- B. Việc hợp tác kinh tế, kỹ thuật với các nước được tăng cường.
- C. Đời sống dân cư nâng cao hướng vào dùng hàng nhập ngoại.

D. Quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa được đẩy mạnh.

Câu 71: Lao động nông thôn nước ta hiện nay

- A. rất đông, có tỉ lệ thất nghiệp rất lớn.
- B. thiếu việc làm cao, tỉ lệ đang giảm.
- C. có qui mô đông và tỉ lệ đang tăng.
- D. có ít kinh nghiệm trong nông nghiệp.

Câu 72: Cơ cấu ngành công nghiệp đang chuyển dịch theo hướng

- A. chuyên môn hóa sản phẩm, cạnh tranh được về giá.
- B. tăng tỉ trọng khai thác, sản phẩm chất lượng thấp.
- C. giảm tỉ trọng chế biến, sản phẩm chất lượng cao.
- D. đa dạng hóa sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh.

Câu 73: Khó khăn lớn nhất trong việc sử dụng đất của miền tự nhiên Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

- A. thường xuyên chịu ảnh hưởng của lũ lụt.
- B. bị chia cắt mạnh bởi hệ thống sông ngòi.
- C. tình trạng rửa trôi đất đai diễn ra mạnh.
- D. thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô.

Câu 74: Sản xuất nông sản hàng hóa ở Trung du miền núi Bắc Bộ còn gặp khó khăn chủ yếu do

- A. thiếu nguồn nước tưới, nhất là vào mùa khô.
- B. thiếu cơ sở chế biến nông sản quy mô lớn.
- C. thiếu quy hoạch, chưa mở rộng thị trường.
- D. thời tiết, khí hậu hay diễn biến thất thường.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. tạo ra hàng xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành.
- B. giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đa dạng sản phẩm.
- C. giải quyết tốt vấn đề việc làm, đẩy mạnh sản xuất hàng hoá.
- D. nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác tốt thế mạnh tự nhiên.

Câu 76: Cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển Bắc Trung Bộ đang có sự thay đổi rõ nét chủ yếu là do

- A. thu hút vốn đầu tư nước ngoài, nâng cấp cơ sở hạ tầng.
- B. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ và nâng cấp cơ sở chế biến.
- C. phát triển việc nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn.
- D. hình thành vùng trồng lúa thâm canh có năng suất cao.

Câu 77: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH RỪNG VÀ TỈ LỆ CHE PHỦ RỪNG CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2008 - 2021

| Năm | 2008 | 2012 | 2018 | 2021 |
|---------------------------|----------|----------|----------|----------|
| Tổng diện tích (Nghìn ha) | 13 118,8 | 13 862,0 | 14 491,3 | 14 745,2 |
| Rừng tự nhiên (Nghìn ha) | 10 348,6 | 10 423,8 | 10 255,5 | 10 171,7 |
| Tỉ lệ che phủ rừng (%) | 38,7 | 40,7 | 41,7 | 42,6 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích rừng và tỉ lệ che phủ rừng của nước ta giai đoạn 2008 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường.
- B. Miền.
- C. Tròn.
- D. Kết hợp.

Câu 78: Quá trình đô thị hoá ở nước ta hiện nay

- A. không gây ra các ảnh hưởng tiêu cực.
- B. đang có những chuyển biến khá tích cực.
- C. không làm thay đổi lối sống của dân cư.
- D. chỉ diễn ra ở các vùng kinh tế động lực.

Câu 79: Tài nguyên sinh vật biển của nước ta

- A. phong phú, giàu có về thành phần loài.
- B. phân bố chủ yếu ở các đảo ngoài khơi.
- C. chỉ phân bố ở các cửa sông, ven biển.
- D. tập trung chủ yếu ở vùng biển ven bờ.

Câu 80: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Đắk Lắk.
- B. Gia lai.
- C. Bình Định.
- D. Phú Yên.

----- HẾT -----